TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HS-ST
Ngày 19/11/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Đức Trưởng và ông Nguyễn Đức Nghị.
- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sỹ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, 19 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ; Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2019/TLST- HS ngày 21 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2019 đối với Bị cáo:

Họ và tên: HOÀNG VĂN T (tên gọi khác: Không);
Sinh ngày 14 tháng 9 năm 1969;
Hộ khẩu thường trú, chỗ ở: xóm L, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Mường;
Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không Quốc tịch: Việt Nam;
Con ông: Hoàng Văn Y, sinh năm 1942 và bà: Hoàng Thị H, sinh năm 1945;
Vợ: NLQ1; Con: có 03 con (lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2002).
Tiền án, tiền sự: Chưa;
Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Chưa.
Bị bắt tạm giữ từ ngày 26/6/2019, hiện đang bị Tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:
1. Anh NLQ1, sinh năm 2002 (có mặt);
Địa chỉ: xóm S, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

2. Anh NLQ2, sinh năm 2001 (có mặt);

Địa chỉ: xóm M, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

3. Chị NLQ3, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: xóm L, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- *Người làm chứng:*

1. Anh NLC1, sinh năm 1998 (có mặt);

Địa chỉ: xóm L, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

2. Anh NLC2, sinh năm 1972 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: xóm L, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Khoảng 17 giờ ngày 26/6/2019, NLQ1 và NLQ2 rủ nhau đi đến nhà Hoàng Văn T để mua số lô, số đề đi cùng còn có NLC1. Khi cả 3 người đi đến nhà T gặp NLQ3 (là vợ T) đang đứng ở cửa quán, bán hàng. NLQ1, NLQ2, NLC1 đi vào bên trong thì gặp T đang ngồi tại bàn nước để ở sân nhà. NLQ1 hỏi mua số lô, số đề được T đồng ý. Các đối tượng đều ngầm hiểu cách thức đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức ghi số lô, số đề được quy ước như sau: Người mua số lô, số đề lựa chọn các số bất kỳ từ 00 đến 99, kết quả so theo hai số cuối của giải đặc biệt (đối với số đề) hoặc so theo hai số cuối của tất cả các giải (đối với số lô) của kết quả Xổ số kiến thiết Miền bắc mở thưởng lúc 18 giờ 45 phút tối ngày hôm đó. Nếu người mua số đề trùng với hai số cuối của giải đặc biệt thì được đề (với tỉ lệ mua 1.000 đồng người bán phải trả 70.000 đồng) không trùng thì mất số tiền đã mua; nếu người mua số lô trùng với hai số cuối của một trong tất cả các giải thì được lô (mỗi điểm lô người mua trả 24.000 đồng, được lô thì người bán phải trả 80.000 đồng), không trùng thì mất số tiền đã mua.

T lấy 01 mảnh giấy cắt từ vỏ hộp thuốc lá hiệu Thăng Long có một mặt màu vàng, một mặt màu trắng cùng 01 bút bi màu xanh từ dưới ngăn bàn uống nước đưa cho NLQ1 và nói "Mua số nào, ghi vào đây!". NLQ1 cầm bút và ghi vào tờ giấy mà T đưa các số lô: 10, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 mỗi số 10 điểm tổng là 100 điểm x 24.000 đồng = 2.400.000 đồng; các số đề: 34, 46 mỗi số 50.000 đồng, tổng là 100.000 đồng. Tổng số tiền NLQ1 mua số lô, số đề của T là 2.500.000 đồng. NLQ1 ghi xong, đưa tờ giấy ghi số lô, số đề cho T cùng số tiền 2.500.000 đồng. T cầm tờ giấy và nhận tiền do NLQ1 đưa đúc vào túi quần. Ngay lúc đó, NLQ2 nói với T cũng muốn mua số lô

thì T nói "Ghi vào đây" và đưa tờ giấy mà NLQ1 vừa ghi số lô, số đề cho NLQ2. NLQ2 cầm bút bi màu đen để ở bàn và ghi mua số lô: 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32 mỗi số 10 điểm, tổng là 120 điểm x 24.000 đồng = 2.880.000 đồng. NLQ2 đưa tờ giấy ghi các con số cho T, đồng thời đưa cho T số tiền 3.000.000 đồng gồm 06 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. T cầm tờ cáp ghi các số lô của NLQ2 và nhận 3.000.000 đồng.

Trong lúc T đang bán số lô, số đề cho NLQ1 và NLQ2 thì anh NLC2 đến chơi. Cùng lúc này, chị NLQ3 đi ra cổng thì gặp tổ công tác của Công an huyện T đang tiến vào nhà liền hô to "Anh T chạy đi, chạy đi". Nghe thấy vậy, T vứt trả lại cho NLQ2 số tiền 3.000.000 đồng và chạy ra ruộng lúa phía sau nhà ở, đem theo 2.500.000 đồng tiền mua số lô, số đề của NLQ1 và tờ giấy ghi các số lô, số đề của NLQ1 và NLQ2. Trên đường chạy, T vứt số tiền và tờ giấy ghi số lô, số đề xuống ruộng lúa.

Sau khi bắt được T, Công an huyện T đã lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ số tiền 5.500.000 đồng và tờ giấy ghi số lô, số đề nói trên.

Quá trình điều tra, Hoàng Văn T không thừa nhận bán số lô, số đề cho NLQ1 và NLQ2. T khai chỉ nhận mua hộ số lô, số đề cho NLQ1 còn NLQ2 nhờ mua nhiều tiền số lô nên không mua hộ; sau khi trả lại tiền cho NLQ2, T chạy ra sau nhà để đuổi vịt thì Công an đến đuổi bắt; T đã làm rơi số tiền NLQ1 nhờ mua số lô, số đề và tờ giấy ghi các số lô, số đề của NLQ1.

Tại phiên tòa, T đã thành khẩn khai báo diễn biến sự việc xảy ra ngày 26/6/2019 như đã nêu ở trên. T cho rằng, do bản thân không hiểu biết pháp luật và lo sợ trách nhiệm phải chịu nên đã khai có phần không đúng khi ở cơ quan cảnh sát điều tra.

Chị NLQ3 vợ của T, khai nhận khi T đang bán số lô, số đề cho những người thanh niên ở tại nhà thì Công an đến, thấy vậy chị nói "Anh T chạy đi, chạy đi" thì anh T chạy ra phía sau nhà. Anh NLC2, người chứng kiến sự việc cũng khai: Khi anh T đang lúi húi với mấy thanh niên và chị NLQ3 nói chạy đi, ngay lúc đấy anh T bỏ chạy ra phía sau nhà.

Ngày 26/6/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Hoàng Văn T và thu giữ: 13 mảnh giấy được cắt từ vỏ bao thuốc lá và giấy màu trắng có ghi các con số, chữ; 12 mảnh giấy được cắt từ vỏ bao thuốc lá và giấy trắng không ghi chữ, số; 02 bút bi màu xanh, 01 bút bi màu đen; 08 quyển sổ tiết kiệm đứng tên Hoàng Văn T tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh T, Phú Thọ.

2. Về các vấn đề khác của vụ án:

Ngày 04/7/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố Bị can và lệnh tạm giam đối với Hoàng Văn T về tội *"Đánh bạc"* theo Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS năm 2015).

Ngoài ra T còn khai nhận: Trước ngày bị bắt quả tang, từ ngày 21/6/2019 đến ngày 25/6/2019 T còn có hành vi bán số lô, số đề cho các đối tượng gồm: Đinh Văn H, Hà Văn Q, Đinh Công H2, Bùi Văn T, Đinh Công V, Hà Xuân H3, Hà Văn S và Đinh Việt A với tổng số tiền 996.000 đồng. T là người trực tiếp nhận ghi và trả thưởng cho các đối tượng trên. Số tiền thu được T dùng một phần để trả thưởng còn một phần tiêu sài cá nhân hết. Các đối tượng trên đều thừa nhận đã mua số lô, số đề của T, tuy nhiên không khai nhận đã trúng thưởng.

Các đối tượng: NLQ1, NLQ2, Đinh Văn H1, Hà Văn Q, Đinh Công H2, Bùi Văn T, Đinh Công V, Hà Xuân H3, Hà Văn S và Đinh Việt A có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức mua số lô, số đề, tuy nhiên số tiền trong từng lần đánh bạc đều dưới 5.000.000 đồng; các đối tượng chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, bị kết án về hành vi đánh bạc hoặc tổ chức đánh bạc . Ngày 23/9/2019, Công an huyện T đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi mua số lô, số đề theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số: 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, mức phạt 350.000 đồng đối với NLQ1, NLQ2, Đinh Văn H1, Hà Văn Q, Đinh Công H2, Bùi Văn T, Đinh Công V, Hà Xuân H3, Hà Văn S và Đinh Việt A.

Đối với hành vi làm chủ lô, đề của Hoàng Văn T, ngày 23/9/2019, Chủ tịch UBND huyện T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 4814/QĐ-XPVPHC theo điểm a khoản 5 Điều 26 Nghị định số: 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, mức phạt 15.000.000 đồng.

Đối với NLQ3, là người có hành vi hô hoán, báo động cho Hoàng Văn T chạy khi Công an kiểm tra, bắt giữ; do NLQ3 và T không phân công, thỏa thuận với nhau từ trước nên không có căn cứ để xử lý.

Về Người bào chữa cho Bị cáo: Trong quá trình điều tra, gia đình Bị cáo có mời ông Nguyễn Ngọc H bào chữa cho Bị cáo, tuy nhiên, ngày 18/9/2019 Bị cáo T đã từ chối Người bào chữa. Đến ngày 22/10/2019, Bị cáo T lại có đơn đề nghị luật sư (Người bào chữa). Ngày 23/10/2019, Tòa án nhân dân huyện T đã Thông báo cho bà NLQ3 là đại diện gia đình (vợ của Bị cáo T) về nội dung đơn đề nghị của Bị cáo. Ngày 04/11/2019, chị NLQ3 có đơn tự nguyện không mời Người bào chữa cho Bị cáo T.

3. Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

- Tại Bản cáo trạng số: 26/CT-VKS- TS ngày 18/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã truy tố Bị cáo Hoàng Văn T về tội *"Đánh bạc"* theo Khoản 1 Điều 321 của BLHS năm 2015.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 38; Điều 54 của BLHS năm 2015. Tuyên bố Bị cáo Hoàng Văn T phạm tội "*Đánh bạc"*.

+ Xử phạt Bị cáo Hoàng Văn T 4 (bốn) tháng 23 (hai mươi ba) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 26 tháng 6 năm 2019). Áp dụng Khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả tự do cho Bị cáo Hoàng Văn T ngay tại phiên tòa nếu Bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

+ Hình phạt bổ sung: Buộc Bị cáo T phải nộp từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

+ Thu hồi, nộp ngân sách Nhà nước của Bị cáo T số tiền 996.000 đồng (chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng) là tiền thu lời bất chính từ việc đánh bạc mà có.

+ Áp dụng Điểm a, b Khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; Điều 105; Khoản 1, Điểm a, b Khoản 2, Điểm b Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

+ Tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước số tiền 5.380.000 đồng (năm triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) Bị cáo T có được từ việc đánh bạc.

+ Tịch thu và tiêu hủy 12 mảnh giấy được cắt từ vỏ bao thuốc lá và giấy trắng không ghi chữ, số; 02 bút bi màu xanh, 01 bút bi màu đen thu của Hoàng Văn T.

+ Trả lại cho Hoàng Văn T và NLQ3 08 quyển sổ tiết kiệm đứng tên Hoàng Văn T tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh T, Phú Thọ để sở hữu. Tạm giữ sổ tiết kiệm có kỳ hạn (12 tháng) từ ngày 06/3/2019 đến 06/3/2020 mang tên Hoàng Văn T với số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T để đảm bảo thi hành án đối với hình phạt bổ sung và án phí.

+ Trả lại cho NLQ2 số tiền 120.000 đồng (một trăm hai mươi nghìn đồng) để sở hữu.

+ Tịch thu, lưu hồ sơ vụ án: 01 tờ giấy ghi số lô, số đề (bút lục 14); 13 mảnh giấy được cắt từ vỏ bao thuốc lá và giấy màu trắng có ghi các con số, chữ (từ bút lục 17 đến bút lục 22F) - vật chứng hiện được lưu theo hồ sơ vụ án.

+ Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc Bị cáo Hoàng Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, Bị cáo không ai có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

4. Bị cáo nói lời sau cùng: Do thiếu hiểu biết nên Bị cáo đã vi phạm pháp luật. Bị cáo xin Hội đồng xét xử, xử mức án thấp nhất để Bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội.

Tại phiên toà hôm nay, Bị cáo đã khai báo lại đầy đủ và đúng sự thật diễn biến việc phạm tội; Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung Cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai. Bị cáo cho rằng, trong quá trình điều tra do Bị cáo không hiểu biết, lo sợ trách nhiệm nên có phần khai không đúng.

Xét thấy, lời khai nhận của Bị cáo tại phiên tòa phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám xét và Biên bản niêm phong vật chứng, đồng thời phù hợp với lời khai của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Người làm chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định: Khoảng 17 giờ ngày 26/6/2019, tại xóm L, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ Hoàng Văn T có hành vi đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề tại nhà ở của mình cho các đối tượng: NLQ1 các số lô, số đề: 10, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 mỗi số 10 điểm (1 điểm lô = 24.000 đồng), tổng là 2.400.000 đồng và số đề 34, 46 mỗi số 50.000 đồng; tổng số tiền T bán số lô, số đề cho NLQ1 là 2.500.000 đồng. Và bán cho NLQ2 các số lô: 21, 22, 23,

24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32 mỗi số 10 điểm, tổng 120 điểm x 24.000 đồng = 2.880.000 đồng. Tổng cộng ngày 26/6/2019, T đã bán số lô, số đề cho NLQ1 và NLQ2 với số tiền là 5.380.000 đồng. Khi Bị cáo đang tính tiền để trả lại cho đối tượng NLQ2 thì tổ công tác của Công an huyện T bắt quả tang, do lo sợ nên Bị cáo đã đưa lại số tiền 3.000.000 đồng cho NLQ2 và chạy ra phía sau nhà. Công an đã lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ đầy đủ vật chứng.

Bị cáo thực hiện những hành vi này trong trạng thái tinh thần bình thường, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng nhưng vì mục đích vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện đến cùng.

Do đó, có đủ cơ sở xác định hành vi của Bị cáo T thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" được quy định tại Khoản 1 Điều 321 của BLHS năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 321 của BLHS năm 2015 quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội của các Bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến trật tự, nếp sống văn minh của xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy cần được đưa ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 của BLHS năm 2015.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa Bị cáo thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Do đó, Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của Bị cáo là nguy hiểm, vì mục đích lợi nhuận Bị cáo đã bất chấp hậu quả xấu có thể gây ra cho xã hội; tiếp tay cho tệ nạn xã hội, cố ý thực hiện tội phạm. Do vậy, cần áp dụng Khoản 1 Điều 38 của BLHS năm 2015, xử phạt Bị cáo hình phạt tù có thời hạn là phù hợp. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét Bị cáo phạm tội lần đầu; được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 để quyết định cho Bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là phù hợp.

- *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của BLHS năm 2015 thì "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*". Qua xác minh về tài sản của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T thì thấy, gia đình Bị cáo có tài sản là nhà, đất ở và quá trình khám xét đã thu giữ của gia đình Bị cáo 08 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh T, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy, cần phạt bổ sung Bị cáo số tiền 10.000.000 đồng, sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

[4] Đối với Đinh Văn H1, Hà Văn Q, Đinh Công H2, Bùi Văn T, Đinh Công V, Hà Xuân H3, Hà Văn S và Đinh Việt A từ ngày 21/6/2019 đến ngày 25/6/2019 đã mua số lô, số đề của T với tổng số tiền 996.000 đồng và NLQ1, NLQ2 đã mua số lô, số đề của T ngày 26/6/2019. Tuy nhiên số tiền trong từng lần đánh bạc đều dưới 5.000.000 đồng; các đối tượng chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, bị kết án về hành vi đánh bạc hoặc tổ chức đánh bạc. Ngày 23/9/2019, Công an huyện T đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi mua số lô, số đề theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số: 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, mức phạt 350.000 đồng đối với NLQ1, NLQ2, Đinh Văn H1, Hà Văn Q, Đinh Công H2, Bùi Văn T, Đinh Công V, Hà Xuân H3, Hà Văn S và Đinh Việt A là phù hợp.

Đối với hành vi làm chủ lô, đề của Hoàng Văn T, ngày 23/9/2019, chủ tịch UBND huyện T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 4814/QĐ-XPVPHC theo điểm a khoản 5 Điều 26 Nghị định số: 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, mức phạt 15.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với số tiền 996.000 đồng T đã thu lời bất chính từ hành vi vi phạm pháp luật nên cần thu hồi, nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với NLQ3, là người có hành vi hô hoán, báo động cho Hoàng Văn T bỏ chạy khi Công an kiểm tra, bắt giữ; do NLQ3 và T không phân công, thỏa thuận với nhau từ trước nên không có căn cứ để xử lý là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

Số tiền 5.500.000 đồng trong đó có 5.380.000 đồng là tiền Bị cáo bán số lô, số đề mà có đây là số tiền do phạm tội mà có cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Số tiền 120.000 đồng là tiền của anh NLQ2 sau khi mua số lô của Bị cáo. Do đó không phải là tiền dùng để đánh bạc nên cần trả lại cho anh NLQ2 để sở hữu là phù hợp.

01 tờ giấy ghi số lô, số đề, 13 mảnh giấy được cắt từ vỏ bao thuốc lá và giấy màu trắng có ghi các con số, chữ là vật chứng chứng minh hành vi phạm tội của Bị cáo và tài liệu chứng cứ chứng minh cho tội phạm cần tịch thu, lưu hồ sơ.

12 mảnh giấy được cắt từ vỏ bao thuốc lá và giấy trắng không ghi chữ, số; 02 bút bi màu xanh, 01 bút bi màu đen là vật không có giá trị cần tịch thu và tiêu hủy.

08 quyển sổ tiết kiệm đứng tên Hoàng Văn T tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh T, Phú Thọ là tài sản của gia đình Bị cáo không liên quan hành vi phạm tội cần trả lại cho gia đình Bị cáo. Tuy nhiên cần tạm giữ 01 sổ tiết kiệm với số tiền 50.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án đối với hình phạt bổ sung và án phí.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ kết tội, tội danh:

- Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 38; Điều 54 của BLHS năm 2015.

- Tuyên bố Bị cáo Hoàng Văn T phạm tội "*Đánh bạc"*.

2. Trách nhiệm hình sự, hình phạt:

- Xử phạt Bị cáo Hoàng Văn T 04 (bốn) tháng 23 (hai mươi ba) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 26 tháng 6 năm 2019).

+ Áp dụng Khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả tự do cho Bị cáo Hoàng Văn T ngay tại phiên tòa nếu Bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Hình phạt bổ sung: Buộc Bị cáo T phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Thu hồi, nộp ngân sách Nhà nước của Bị cáo T 996.000 đồng (chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng) là tiền thu lời bất chính từ việc đánh bạc mà có.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a, b Khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; Điều 105, Khoản 1, Điểm a, b Khoản 2, Điểm b Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước số tiền 5.380.000 đồng (năm triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) Bị cáo T có được từ việc đánh bạc.

- Tịch thu và tiêu hủy 12 mảnh giấy được cắt từ vỏ bao thuốc lá và giấy trắng không ghi chữ, số; 02 bút bi màu xanh, 01 bút bi màu đen thu của Hoàng Văn T.

- Trả lại cho Hoàng Văn T và NLQ3 08 quyển sổ tiết kiệm đứng tên Hoàng Văn T tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh T, Phú Thọ để sở hữu. Tạm giữ sổ tiết kiệm có kỳ hạn (12 tháng) từ ngày 06/3/2019 đến 06/3/2020 mang tên Hoàng Văn T với số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T để đảm bảo thi hành án đối với hình phạt bổ sung và án phí.

- Trả lại cho anh NLQ2 số tiền 120.000 đồng (một trăm hai mươi nghìn đồng) để sở hữu.

Vật chứng đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T ngày 22/10/2019.

- Tịch thu, lưu hồ sơ vụ án: 01 tờ giấy ghi số lô, số đề (bút lục 14); 13 mảnh giấy được cắt từ vỏ bao thuốc lá và giấy màu trắng có ghi các con số, chữ (từ bút lục 17 đến bút lục 22F) - vật chứng hiện được lưu theo hồ sơ vụ án.

4. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc Bị cáo Hoàng Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- CQ CSĐT Công an huyện;
- CQ THA dân sự huyện;
- Trại tạm giam;

- UBND nơi b/c thường trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hồng Mai